

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến  
toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 về tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 665/QĐ-BTNMT ngày 18/3/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

*Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2823/STNMT-VP ngày 14/6/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

### **Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

#### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện**

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có giải pháp cụ thể, đẩy mạnh công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền để khuyến khích, thúc đẩy và vận động người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

b) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cá nhân, tổ chức **không muộn hơn tám giờ làm việc** kể từ khi hệ thống tiếp nhận; **chủ động hẹn, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn** tối đa so với quy định để giảm thời gian chờ đợi kết quả cho người dân, doanh nghiệp.

c) Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của Bộ, ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết dịch vụ công trực tuyến đúng tiến độ, chất lượng; thực hiện giảm phí, lệ phí đối với hồ sơ nộp trực tuyến theo quy định; đồng thời, rà soát, đề xuất bổ sung danh mục thủ tục hành chính được giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thanh toán trực tuyến các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện việc rà soát, lựa chọn và kiểm thử các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý còn lại của cơ quan để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện cấu trúc lại quy trình TTHC để thay đổi quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo hướng đơn giản, cắt giảm các bước thực hiện, các thông tin cần khai báo, cung cấp khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

#### **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan liên quan thực hiện đồng bộ, cập nhật công khai, cấu hình quy trình điện tử, biểu mẫu điện tử, chữ ký điện tử và các giải pháp kỹ thuật liên quan để triển khai hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần được công bố tại Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về sử dụng dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

### 3. Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp cơ quan liên quan đơn đốc, hướng dẫn việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm thử các thủ tục hành chính để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần khi có sự thay đổi theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế danh mục dịch vụ công trực tuyến của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, TTHC(x).



**Trần Hoàng Tuấn**



**DANH MỤC**  
**DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TIẾP AN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN**  
**QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT CÁC SỰ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI**  
(Kèm theo Quyết định số **889** /QĐ-UBND ngày **09** /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
	<b>TỔNG (A) + (B)</b>		<b>30</b>	<b>59</b>	<b>60</b>
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>		<b>28</b>	<b>55</b>	<b>56</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>				
1	1.010728.000.00.00.H48	Cấp đổi giấy phép môi trường (Cấp tỉnh)	X		
2	1.010729.000.00.00.H48	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (Cấp tỉnh)	X		X
3	1.010727.000.00.00.H48	Cấp giấy phép môi trường (Cấp tỉnh)		X	X
4	1.010733.000.00.00.H48	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)		X	X
5	1.010730.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép môi trường (Cấp tỉnh)		X	X
6	1.008675.000.00.00.H48	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ		X	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
7	1.008682.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học		X	
8	1.010735.000.00.00.H48	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (Cấp tỉnh)		X	X
<b>II Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>					
9	2.001738.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X		X
10	1.004253.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X		
11	1.011518.000.00.00.H48	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	X		
12	2.001770.000.00.00.H48	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	X		
13	1.004283.000.00.00.H48	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	X		
14	1.004232.000.00.00.H48	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm (cấp tỉnh)	X		X
15	1.000824.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (TTHC cấp tỉnh)	X		

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
16	1.004167.000.00.00.H48	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm	X		X
17	1.004211.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	X		X
18	1.004228.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	X		X
19	2.001850.000.00.00.H48	Thăm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (TTHC cấp tỉnh)		X	
20	1.004179.000.00.00.H48	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> / ngày đêm		X	X
21	1.004223.000.00.00.H48	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	X		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
22	1.004122.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X		X
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Khoáng sản</b>				
23	1.000778.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản		X	X
24	1.004481.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản		X	X
25	2.001814.000.00.00.H48	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản		X	X
26	1.005408.000.00.00.H48	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản		X	
27	2.001787.000.00.00.H48	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản		X	X
28	1.004083.000.00.00.H48	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản		X	
29	1.004446.000.00.00.H48	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình		X	X
30	1.004434.000.00.00.H48	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản		X	
31	1.004433.000.00.00.H48	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt		X	



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
32	2.001783.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản		X	X
33	1.004345.000.00.00.H48	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản		X	X
34	1.004135.000.00.00.H48	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản		X	
35	1.004367.000.00.00.H48	Đóng cửa mỏ khoáng sản		X	
36	2.001781.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	X
37	1.004343.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	X
38	2.001777.000.00.00.H48	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	
39	1.004132.000.00.00.H48	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch		X	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</b>				
40	1.011671.000.00.00.H48	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	X		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
41	1.000049.000.00.00.H48	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II		X	
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm</b>				
42	1.011441.000.00.00.H48	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
43	1.011442.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
44	1.011443.000.00.00.H48	Xoá đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
45	1.011444.000.00.00.H48	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
46	1.011445.000.00.00.H48	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng bán tài sản khác gắn liền với đất	X		X
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Đất đai</b>				
47	1.001991.000.00.00.H48	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		X	X
48	1.004199.000.00.00.H48	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		X	X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
49	2.000983.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		X	X
50	1.005194.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỏ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		X	X
51	1.001134.000.00.00.H48	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		X	X
52	2.000889.000.00.00.H48	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận		X	X
53	2.000880.000.00.00.H48	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ		X	X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
		và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp			
54	1.004227.000.00.00.H48	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	X		X
55	2.001938.000.00.00.H48	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý		X	X
56	1.005398.000.00.00.H48	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		X	X
57	2.000976.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp		X	X
58	1.011616.000.00.00.H48	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		X	X
59	1.002255.000.00.00.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		X	X
60	1.004193.000.00.00.H48	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		X	X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
61	1.001990.000.00.00.H48	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		X	X
62	1.004217.000.00.00.H48	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	X		X
63	1.004203.000.00.00.H48	Tách thửa hoặc hợp thửa đất		X	X
64	1.004177.000.00.00.H48	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện		X	X
65	1.004206.000.00.00.H48	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu		X	X
66	1.004238.000.00.00.H48	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		X	X
67	1.010200.000.00.00.H48	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	X		
68	1.003010.000.00.00.H48	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	X		

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
69	1.004257.000.00.00.H48	Chuyên mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	X		X
70	1.002040.000.00.00.H48	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	X		X
71	1.002253.000.00.00.H48	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	X		X
72	1.004688.000.00.00.H48	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004		X	
73	2.000962.000.00.00.H48	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp		X	
74	1.001039.000.00.00.H48	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo,		X	X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
		tổ chức nước ngoài			
75	1.000964.000.00.00.H48	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		X	X
76	1.000964.000.00.00.H48	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh)		X	X
77	1.004269.000.00.00.H48	Cung cấp dữ liệu đất đai	X		X
<b>VII</b>					
<b>Lĩnh vực Biển và hải đảo</b>					
78	1.005189.000.00.00.H48	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển		X	X
79	1.005401.000.00.00.H48	Giao khu vực biển		X	
80	1.004935.000.00.00.H48	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển		X	
81	1.005400.000.00.00.H48	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển		X	
82	1.009481.000.00.00.H48	Công nhận khu vực biển		X	
83	1.005399.000.00.00.H48	Trả lại khu vực biển		X	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>		<b>02</b>	<b>04</b>	<b>04</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>				
84	1.010724.000.00.00.H48	Cấp đổi giấy phép môi trường (Cấp huyện)	X		
85	1.010725.000.00.00.H48	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (Cấp huyện)	X		X
86	1.010723.000.00.00.H48	Cấp giấy phép môi trường (Cấp huyện)		X	X
87	1.010726.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép môi trường (Cấp huyện)		X	X
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>				
88	1.001645.000.00.00.H48	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh		X	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>				
89	2.000410.000.00.00.H48	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận		X	X